

Số: 11 /2026/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 28 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BXD ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BXD ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an thành phố;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà ở được quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ở các khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy là hệ thống hạ tầng bảo đảm cho xe chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác tiếp cận đến nhà ở, công trình, bao gồm đường giao thông, hành lang tiếp cận, tải trọng cầu - đường, bãi quay xe, bãi đỗ xe chữa cháy theo các yêu cầu kỹ thuật tại Mục 6 QCVN 06:2022/BXD.

2. Nguồn nước phục vụ chữa cháy là nơi bảo đảm theo quy định về trữ lượng nước, bến, bãi đỗ để xe chữa cháy, máy bơm chữa cháy di động tiếp cận để lấy nước chữa cháy, như: trụ nước chữa cháy ngoài nhà, bể chứa nước, ao, hồ, sông, kênh, rạch và các nguồn sẵn có khác.

3. Khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy là phạm vi không gian có nhiều nhà ở, công trình có thể xác định theo hẻm, đoạn hẻm, đường, đoạn đường, đoạn sông, đoạn kênh, đoạn rạch ở đô thị, nông thôn mà ở đó không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy.

Điều 4. Quy định khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy

1. Khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy là khu vực có hạ tầng giao thông thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Chiều rộng thông thủy của mặt đường nhỏ hơn 3,5 m hoặc chiều cao thông thủy nhỏ hơn 4,5 m. Đối với mặt đường nhỏ hẹp chỉ đủ cho 1 làn xe chạy thì cứ ít nhất 100 m không thiết kế một đoạn đường mở rộng có chiều dài tối thiểu 8 m và chiều rộng tối thiểu 7 m;

b) Cầu, mặt đường, bãi đỗ xe, bãi quay xe: ở đô thị, chịu được tải trọng dưới 05 tấn; ở nông thôn, chịu được tải trọng dưới 03 tấn;

c) Đường, bãi đỗ xe chữa cháy dạng cụt có chiều dài lớn hơn 46 m nhưng không có bãi quay xe hoặc có bãi quay xe nhưng không tuân theo một trong các quy định sau:

Hình tam giác đều có cạnh không nhỏ hơn 7 m, một đỉnh nằm ở đường cụt, hai đỉnh nằm cân đối ở hai bên đường;

Hình vuông có cạnh không nhỏ hơn 12 m;

Hình tròn, đường kính không nhỏ hơn 10 m;

Hình chữ nhật vuông góc với đường cụt, cân đối về hai phía của đường, có kích thước không nhỏ hơn 5 m x 20 m.

2. Khu vực không bảo đảm nguồn nước phục vụ chữa cháy là khu vực

không có nguồn nước phục vụ chữa cháy hoặc có nguồn nước nhưng thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nguồn nước phục vụ chữa cháy có chiều sâu mặt nước so với mặt đất tại vị trí bố trí lấy nước chữa cháy lớn hơn 4 m và chiều dày lớp nước nhỏ hơn 0,5 m;

b) Khu vực cách nguồn nước phục vụ chữa cháy (tính theo đường di chuyển theo phương ngang của vòi chữa cháy đi bên ngoài nhà) trên 400 m nếu xe chữa cháy tiếp cận nguồn nước hoặc trên 300 m nếu máy bơm chữa cháy di động tiếp cận nguồn nước.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Công an thành phố

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn việc triển khai thực hiện Quyết định này;

Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường phân loại, lập danh sách khu vực và nhà ở thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố công bố danh sách khu vực và nhà ở thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo lộ trình được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

c) Kịp thời xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc (nếu có); trường hợp vượt thẩm quyền tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, giải quyết.

2. Sở Xây dựng

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện xử lý hoặc tham mưu đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý các trường hợp xây dựng vi phạm theo quy định;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo có phương án, giải pháp xử lý, cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị, khu dân cư, khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của Luật số 55/2024/QH15, quy chuẩn kỹ thuật và tình hình thực tiễn tại địa phương.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan thuộc phạm vi quản lý;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan triển khai các giải pháp xử lý, cải tạo, chỉnh trang đối với các công trình thủy lợi, cấp nước sạch, tuyến đường thuộc trách nhiệm quản lý của đơn vị theo quy định của Luật số 55/2024/QH15, các Quy chuẩn kỹ thuật có liên quan và tình hình thực tiễn tại địa phương.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định này cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn quản lý;

b) Căn cứ Điều 4 Quyết định này, định kỳ tổ chức rà soát, thống kê khu vực, nhà ở thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn quản lý gửi về Công an thành phố trước ngày 15 tháng 12 hằng năm;

c) Thực hiện rà soát, điều chỉnh các quy hoạch thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15, văn bản pháp luật liên quan và tình hình thực tiễn tại địa phương; có giải pháp khắc phục những khó khăn, bất cập về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại địa phương.

5. Các doanh nghiệp cấp nước

a) Rà soát, tổ chức kiểm tra và đánh giá tình trạng của trụ nước chữa cháy tại các khu vực; kịp thời sửa chữa các trụ nước chữa cháy bị hư hỏng; bảo đảm lưu lượng nước phục vụ chữa cháy theo Bảng 7, Bảng 8 QCVN 06:2022/BXD;

b) Phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu lắp đặt bổ sung các trụ cấp nước chữa cháy tại các khu vực không bảo đảm nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định.

6. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Thực hiện nghiêm các quy định tại Điều 4 Quyết định này;

b) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xây dựng; việc xây dựng coi nói, lấn chiếm không gian các tuyến đường giao thông, làm mất tác dụng và che lấp nguồn nước chữa cháy gây ảnh hưởng đến công tác chữa cháy thì cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 01 năm 2026.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp (Cục KTVB và TCTHPL), Nội vụ, Công an, Tài chính, Xây dựng; Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo, Trung tâm lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- VP UBND TP (2,3E);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Cảnh Tuyên